

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày: 16/6/2025
Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mua
2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Trâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Bà Bùi Thị Phương Trang, kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 53/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Mộng N, sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm Mỹ Phú 1, thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1980. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng N trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 20/02/2021 (dương lịch) chồng chị N là Nguyễn Thanh H1 có cho anh Nguyễn Minh H vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng là 5.000.000đ/tháng/100.000.000đ, thời hạn vay là một tháng, mục đích anh H vay để trị bệnh cho mẹ anh H. Khi vay anh H có thể chấp cho anh H1 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 22, tờ bản đồ số 31, diện tích 1917,5m², đất tọa lạc tại khóm Mỹ P (ấp M 1 cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Minh H đứng tên mặt IV giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Anh H đã nhận đủ số tiền vay tại nhà chị N, anh H1 và có ký tên vào “giấy cầm bàn phán”. Việc vay tiền không có ai làm chứng cũng không có xác nhận của chính quyền địa phương. Đến hạn trả nợ thì anh H không trả tiền gốc và cũng không trả tiền lãi mà trốn tránh trả nợ.

Chị N không trực tiếp cho anh H vay tiền nhưng anh H1 chồng chị N ghi tên chị N đứng tên trên “giấy cầm bàn phán”, số tiền mà chồng chị N cho anh H vay là số tiền thuộc tài sản chung của vợ chồng nên sau khi chị N biết sự việc thì chị N cũng đồng ý cho anh H vay tiền và không có ý kiến tranh chấp gì với chồng chị N.

Chị N yêu cầu anh Nguyễn Minh H có trách nhiệm trả cho chị N số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày 20/02/2021 (dương lịch) đến ngày 20/01/2025 (dương lịch) là: 47 tháng x 100.000.000đ x 1,66%/ = 78.020.000đ (bảy mươi tám triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Đồng thời, chị N yêu cầu tiếp tục tính lãi suất kể từ ngày 21/01/2025 (dương lịch) đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử với lãi suất 1,66%/tháng. Trường hợp anh H trả đủ số tiền vay thì chị N sẽ trả lại cho anh H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 22, tờ bản đồ số 31, diện tích 1917,5m², đất tọa lạc tại khóm Mỹ P (ấp M 1 cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Minh H đứng tên mặt IV giấy chứng nhận.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/4/2025, chị Nguyễn Thị Mộng N rút lại phần yêu cầu tính lãi suất trên số tiền 100.000.000 đồng, chị N không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Mộng N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Minh H có trách nhiệm trả cho chị N số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh H1 trình bày:

Anh H1 là chồng hợp pháp của chị Nguyễn Thị Mộng N. Vào ngày 20/02/2021 (dương lịch) là chỗ quen biết với nhau nên anh H1 có cho anh Nguyễn Minh H vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), khi vay anh H có thể chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 22, tờ bản đồ số 31, diện tích 1917,5m², đất tọa lạc tại khóm Mỹ P (ấp M 1 cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Minh H đứng tên mặt IV giấy chứng nhận, khi nhận tiền anh H có ký tên vào “giấy cầm bàn phán”, thoả thuận miệng lãi suất là 5.000.000đ/tháng/100.000.000đ, thời hạn vay là một tháng, mục đích anh H vay để trị bệnh cho mẹ anh H. Đến hạn trả nợ thì anh H không trả tiền gốc và cũng không trả tiền lãi mà trốn tránh trả nợ.

Anh H1 là người trực tiếp cho anh H vay tiền nhưng do số tiền cho anh H vay là tài sản chung của vợ chồng nên anh H1 để cho vợ anh H1 là Nguyễn Thị Mộng N đại diện đứng tên trên “giấy cầm bàn phán”.

Nay chị N khởi kiện anh H yêu cầu trả lại số tiền vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất thì anh H1 hoàn toàn thống nhất, không có ý kiến và không yêu cầu gì khác, để chị N hoàn toàn quyết định trong vụ kiện này.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh H1 giữ nguyên ý kiến trình bày thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng N yêu cầu anh Nguyễn Minh H trả lại số tiền vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2025, chị Nguyễn Hải Y trình bày: chị Y là con ruột của anh H1, chị N. “Giấy cầm bàn phán” là do chị Y viết theo yêu cầu của cha chị và anh H, chị Y không nhớ rõ thời gian viết chỉ nhớ lúc đó chị Y đang học lớp 12 nhưng đại khái là thể hiện việc anh H mượn tiền của cha chị Y, còn số tiền bao nhiêu thì chị Y không nhớ, lúc viết biên nhận không có mẹ chị Y là bà N nhưng cha chị yêu cầu ghi tên mẹ chị là bà N làm đại diện cho mượn tiền. Số tiền cha, mẹ chị Y cho anh H mượn không liên quan đến chị Y. Nay cha mẹ chị là ông H1, bà N khởi kiện anh H yêu cầu trả số tiền 100.000.00đ thì chị Y không có ý kiến và để cha mẹ chị hoàn toàn quyết định trong vụ án.

Bị đơn anh Nguyễn Minh H được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án thụ lý đúng thẩm quyền loại việc theo quy định tại Điều 26, Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng về việc thu thập chứng cứ và hòa giải. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng và tuân thủ đúng các bước thu thập chứng cứ, đảm bảo về thời hạn xét xử. Quá trình kiểm sát xét xử tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành các bước tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: căn cứ Điều 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 217, 218, 244, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mộng N.

Buộc anh Nguyễn Minh H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mộng N số tiền vay vốn là 100.000.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Nguyễn Thanh H1 có nghĩa vụ trả lại cho anh Nguyễn Minh H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 22, tờ bản đồ số 31, diện tích 1917,5m² tọa lạc ấp M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long, do anh Nguyễn Minh H đứng tên mặt IV giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đình chỉ yêu cầu của chị N đối với yêu cầu anh H phải trả lãi tính từ ngày 20/02/2021 dương lịch đến ngày 20/01/2025 dương lịch là: 47 tháng x 100.000.000 đồng x 1,66% = 78.020.000 đồng. Đồng thời yêu cầu tính lãi từ ngày 21/01/2025 dương lịch với mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi vụ án đưa ra xét xử.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Minh H có nghĩa vụ nộp 5.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Xác định đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ

Luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Nguyễn Minh H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Nguyễn Thanh H1 là vợ chồng hợp pháp, anh chị cho rằng vào ngày 20/02/2021 (dương lịch) có cho anh Nguyễn Minh H vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất thỏa thuận miệng, anh H có ký tên vào “Giấy cầm bàn phán” để vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), số tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng nên chị N đại diện đứng tên trên “Giấy cầm bàn phán”. Xét, chị N có cung cấp chứng cứ là “Giấy cầm bàn phán” thể hiện việc anh H cần vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ, đồng thời cũng không ghi ngày, tháng, năm vay tiền. Tuy nhiên, tại “Giấy cầm bàn phán” có chữ ký của anh Nguyễn Minh H, đồng thời chị N cũng cung cấp được cho Tòa án bản sao chứng thực Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 22, tờ bản đồ số 31, diện tích 1917,5m², đất tọa lạc tại khóm Mỹ P (ấp M 1 cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Minh H đứng tên mặt IV giấy chứng nhận mà anh H đã đưa vợ chồng chị N, anh H1 giữ để làm tin khi vay tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định có cơ sở chứng minh có sự việc anh Nguyễn Minh H vay tiền của chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Nguyễn Thanh H1 nên yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng N là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Xét việc rút yêu cầu tính lãi suất của chị N

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Mộng N rút lại yêu cầu tính lãi suất từ ngày 20/02/2021 dương lịch đến ngày 20/01/2025 dương lịch là: $47 \text{ tháng} \times 100.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\% = 78.020.000 \text{ đồng}$ và rút yêu cầu tính lãi suất từ ngày 21/01/2025 dương lịch với mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi vụ án đưa ra xét xử. Xét thấy, việc rút yêu cầu của chị N là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5 Bộ Luật tố tụng dân sự chấp nhận việc rút yêu cầu tính lãi suất của chị N.

[3.3] Chị Nguyễn Thị Mộng N và anh Nguyễn Thanh H1 trình bày khi vay tiền, anh H có đưa cho anh H1 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 22, tờ bản đồ số 31, diện tích 1917,5m², đất tọa lạc tại khóm Mỹ P (ấp M 1 cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Minh H đứng tên mặt IV giấy chứng nhận để đảm bảo khoản vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án, chị N, anh H1 trình bày khi nào anh H trả hết số tiền vay thì chị N, anh H1 đồng ý trả lại anh H bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Hội đồng xét xử nhận thấy đây là sự tự nguyện của chị N, anh H1 và phù hợp quy định pháp luật nên được ghi nhận.

[3.4] Xét việc vắng mặt của anh Nguyễn Minh H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Minh H về yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng N, tuy nhiên anh H không có ý kiến trình bày bằng văn bản gửi cho Tòa án, anh H cũng không đến Tòa án tham gia phiên họp và phiên hòa giải do Tòa án tiến hành và anh cũng không đến tham gia phiên Tòa.

Mặt khác, anh Nguyễn Minh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Tuy nhiên, tại thời điểm tổng đạt anh H không có mặt ở địa phương, anh H không có thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Do đó, anh H phải chịu hậu quả pháp lý về việc cố tình giấu địa chỉ nơi cư trú mới của mình theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về án phí: áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Minh H phải chịu 5.000.000đ (*năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277; Điều 317; Điều 463, Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 218; Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng N.

Buộc anh Nguyễn Minh H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mộng N số tiền vay gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), không tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị Mộng N đối với yêu cầu anh H phải trả lãi suất tính từ ngày 20/02/2021 dương lịch đến ngày 20/01/2025 dương lịch là: $47 \text{ tháng} \times 100.000.000\text{đ} \times 1,66\% = 78.020.000\text{đ}$ (bảy mươi tám triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 21/01/2025 dương lịch với mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi vụ án đưa ra xét xử.

3. Buộc chị Nguyễn Thị Mộng N, anh Nguyễn Thanh H1 giao trả lại cho anh Nguyễn Minh H bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 22, tờ bản đồ số 31, diện tích 1917,5m², đất tọa lạc tại khóm Mỹ P (ấp M 1 cũ), thị trấn T (xã T cũ), huyện T, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Minh H đứng tên mặt IV giấy chứng nhận.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Mộng N không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 4.451.000đ (bốn triệu bốn trăm năm mươi một ngàn đồng) đã nộp ngày 06/3/2025 theo biên lai thu số 0002089 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Buộc anh Nguyễn Minh H phải chịu 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND huyện Tam Bình: 02b;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01b;
- Đương sự: 03b;
- Lưu: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Ngọc Trinh

